

Số: 23/2025/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số 284/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ Chương trình
Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2026
- 2030; Báo cáo thẩm tra số 151/BC-KTNS ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ
trợ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn thành phố Đà
Nẵng, giai đoạn 2026 - 2030.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình OCOP thành phố).

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ thể thực hiện: Các hợp tác xã; tổ hợp tác; doanh nghiệp nhỏ và vừa; trang trại; hộ sản xuất kinh doanh và các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư điểm bán hàng OCOP; trung tâm OCOP xã, phường, đặc khu; trung tâm OCOP thành phố và trung tâm thiết kế sáng tạo và phát triển sản phẩm OCOP thành phố (có đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng). Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch, chủ thể thực hiện bao gồm các đối tượng nêu trên và các hội, hiệp hội, trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương.

b) Sản phẩm: Là sản phẩm hàng hóa và dịch vụ du lịch có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị văn hóa, lợi thế của địa phương (đặc biệt là sản phẩm đặc sản vùng miền, sản phẩm làng nghề, dịch vụ du lịch dựa trên các thế mạnh, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa). Sản phẩm được phân theo 6 nhóm, gồm:

Nhóm thực phẩm, gồm: Nông, thủy sản tươi sống; nông, thủy sản sơ chế, chế biến và các thực phẩm khác.

Nhóm đồ uống, gồm: Đồ uống có cồn; đồ uống không cồn.

Nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, gồm: Sản phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược, tinh dầu và dược liệu khác.

Nhóm hàng thủ công mỹ nghệ, gồm: Các sản phẩm từ gỗ, mây, tre, sợi tự nhiên, kim loại, đá, gốm sứ, dệt may, thêu ren... làm đồ lưu niệm, đồ trang trí, đồ gia dụng.

Nhóm sinh vật cảnh, gồm: Hoa, cây cảnh, động vật cảnh.

Nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện chính sách hỗ trợ từ Chương trình OCOP thành phố.

Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện và phương thức hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ: Công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp; tại cùng một thời điểm triển khai thực hiện, cùng nội dung mà có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn một chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Điều kiện chung: Chủ thể thực hiện có đăng ký tham gia được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đưa vào Kế hoạch Chương trình OCOP thành phố hàng năm.

b) Điều kiện riêng

Đối với chủ thể thực hiện có nội dung hỗ trợ được quy định tại Điều 4 Nghị quyết này: Có hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng được UBND xã, phường kiểm tra đảm bảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với chủ thể thực hiện có nội dung hỗ trợ được quy định tại Điều 5 Nghị quyết này: Thực hiện các quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị quyết này.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư (trừ nội dung hỗ trợ tại Điều 3 Nghị quyết này).

Điều 3. Nội dung, mức chi hỗ trợ để triển khai Chương trình OCOP thành phố

1. Chi hỗ trợ xây dựng Đề án, Kế hoạch cấp thành phố; hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm bao gồm: Chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng Đề án, Kế hoạch. Mức chi thực hiện theo định mức quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Chi hỗ trợ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong truyền thông, xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, mua sắm trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, đánh giá, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC và các quy định hiện hành về mua sắm trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

3. Chi truyền thông, thông tin tuyên truyền: Nội dung, mức chi cụ thể thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. Các nội dung chưa có quy định về định mức thực hiện thì chi theo nội dung, kinh phí thực tế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chi tổ chức Festival OCOP thành phố hàng năm; các diễn đàn, sự kiện, hội thi, gala liên quan Chương trình OCOP thành phố; chi tuyên truyền trực quan tại siêu thị, trung tâm thương mại, sân bay, bến xe, các địa điểm du lịch, các địa điểm khác phục vụ quảng bá, bán hàng OCOP: Nội dung, định mức được chi theo thực tế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, kiểm tra, giám sát: Nội dung, mức chi thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

6. Chi tham quan, học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình OCOP

a) Chi tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài thành phố: Nội dung, mức chi thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Chi tham quan, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài: Nội dung, đối tượng, mức chi cụ thể thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và phải được Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất.

7. Chi tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm

a) Chi thuê chuyên gia, đơn vị tư vấn đánh giá, phân hạng; chi vận chuyển và bảo quản sản phẩm để tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp thành phố: Mức chi thực hiện theo định mức quy định tại khoản 6 và khoản 10 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

b) Đối với mức chi hợp Hội đồng đánh giá, phân hạng được áp dụng theo mức chi hợp tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong đó, thực hiện một đợt họp tương đương thực hiện 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Đối với mức chi cho hoạt động của Tổ tư vấn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP: Áp dụng theo mức chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC. Trong đó, thực hiện một đợt họp tương đương 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Chi phí thuê đơn vị tư vấn kiểm nghiệm/phân tích độc lập các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, các chỉ tiêu chất lượng đối với các sản phẩm (sản phẩm đánh giá lần 1 đạt từ 50 điểm trở lên đảm bảo các quy định công nhận hạng 03 sao OCOP trở lên): Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Chi hỗ trợ thuê đơn vị thẩm định giá, mức chi theo hóa đơn thực tế, nhưng không quá 03 triệu đồng.

8. Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP trong và ngoài nước: Hỗ trợ 100% kinh phí và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước; các đợt trưng bày, triển lãm sản phẩm do cấp trên giao nhiệm vụ hoặc do các đơn vị trong và ngoài thành phố mời. Đối với nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định hoặc hướng dẫn của Trung ương.

Điều 4. Hỗ trợ đối với chủ thể thực hiện có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP thành phố

1. Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn đánh giá và cấp chứng nhận sản phẩm sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP, hữu cơ), hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP,...): Hỗ trợ 100% kinh phí, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng đối với sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận GMP; không quá 100 triệu đồng đối với quy trình hữu cơ, GLOBALGAP; hỗ trợ không quá 50 triệu đồng đối với sản phẩm sản xuất quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, VietGAHP); hỗ trợ không quá 30 triệu đồng đối với hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, ...) và chỉ hỗ trợ đối với chứng nhận lần đầu hoặc chủ thể có hồ sơ đăng ký

tham gia đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP; hỗ trợ không quá 20 triệu đồng đối với sản phẩm đánh giá hợp chuẩn, hợp quy, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; hỗ trợ không quá 10 triệu đồng đối với xây dựng Bản tự công bố sản phẩm, không quá 20 triệu đồng đối với Bản Công bố sản phẩm (bao gồm kinh phí kiểm nghiệm các chỉ tiêu theo quy định).

2. Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và kho lạnh bảo quản sản phẩm OCOP, tối đa không quá 300 triệu đồng/chủ thể, chỉ hỗ trợ 01 lần và máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất này chưa được hỗ trợ từ các chính sách khác.

3. Hỗ trợ xây dựng liên kết chuỗi giá trị sản phẩm OCOP: Hỗ trợ tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện kế hoạch, dự án liên kết theo cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa không quá 300 triệu đồng/kế hoạch, dự án liên kết.

4. Hỗ trợ 100% chi phí thiết lập mã QR code, mã vạch, tối đa không quá 10 triệu đồng/sản phẩm và không quá 30 triệu đồng/chủ thể.

5. Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế, in ấn nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm, tối đa không quá 20 triệu đồng/sản phẩm và không quá 40 triệu đồng/chủ thể.

6. Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu và không quá 30 triệu đồng đối với xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

7. Hỗ trợ tham gia trưng bày tại các lễ hội, hội chợ, triển lãm: Hỗ trợ 100% chi phí (thuê, trang trí gian hàng, vận chuyển...), tối đa không quá 15 triệu đồng/chủ thể đối với lễ hội, hội chợ, triển lãm trong thành phố; hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia lễ hội, hội chợ, triển lãm ngoài thành phố và không quá 100 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia lễ hội, hội chợ, triển lãm nước ngoài, mỗi chủ thể được hỗ trợ không quá 03 lần tham gia/năm.

8. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP: Nội dung, mức chi thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

9. Hỗ trợ thuê tư vấn xây dựng hồ sơ bảo vệ môi trường, mức hỗ trợ 50% kinh phí thực tế nhưng không quá 50 triệu đồng/chủ thể.

10. Hỗ trợ xây dựng câu chuyện sản phẩm: Tối đa không quá 03 triệu đồng/sản phẩm, với điều kiện sản phẩm đó được Hội đồng đánh giá, phân hạng OCOP thành phố đánh giá đạt từ 50 điểm trở lên.

11. Hỗ trợ đối với chủ thể OCOP thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm: Hỗ trợ tối đa không quá 05 triệu đồng/hồ sơ, với điều kiện sản phẩm được Hội đồng đánh giá, phân hạng OCOP thành phố đánh giá đạt từ 50 điểm trở lên.

12. Chỉ nâng cấp, hoàn thiện sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng và công nhận hạng sao (3 sao trở lên) gắn với nhu cầu trong nước và xuất khẩu; chỉ cho sản phẩm công nhận lại: Nội dung và mức chi thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết này. Trong đó, ưu tiên hoàn thiện các tiêu chí để xuất khẩu, chỉ nâng cấp hạng từ hạng 3 sao lên hạng 4 sao, chỉ thuê tư vấn tổng thể hồ sơ, sản phẩm lên hạng 5 sao cấp quốc gia; các nội dung hỗ trợ cho cùng một sản phẩm không trùng với nội dung đã được hỗ trợ, mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ 01 lần.

13. Hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 300 triệu đồng/sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch. Nội dung hỗ trợ: Cải tạo cảnh quan, môi trường trong cộng đồng làm du lịch/điểm du lịch; xây dựng/sửa chữa nhà vệ sinh; trồng hoa, cây cảnh; xây dựng bộ nhận diện quảng bá sản phẩm du lịch; tuyên truyền, quảng bá du lịch.

14. Chỉ thưởng cho các sản phẩm đạt từ hạng 3 sao đến hạng 5 sao của Chương trình OCOP

a) Sản phẩm đạt hạng 5 sao: Thưởng 30 triệu đồng/sản phẩm.

b) Sản phẩm đạt hạng 4 sao: Thưởng 15 triệu đồng/sản phẩm.

c) Sản phẩm đạt hạng 3 sao: Thưởng 10 triệu đồng/sản phẩm.

Mỗi chủ thể chỉ được thưởng tối đa 05 sản phẩm/01 năm tham gia đánh giá, phân hạng. Mỗi sản phẩm chỉ được thưởng 01 lần ở cùng mức độ hạng sao được công nhận, trường hợp được công nhận nâng hạng sao (hạng sao được công nhận lần sau cao hơn hạng sao được công nhận lần trước) thì được nhận thưởng thêm phần chênh lệch giữa hai mức độ hạng sao.

Điều 5. Hỗ trợ điểm bán hàng, trung tâm OCOP, trung tâm thiết kế sáng tạo và phát triển sản phẩm OCOP

1. Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp điểm bán hàng OCOP đối với cơ sở kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm OCOP hoặc vừa tiêu thụ sản phẩm OCOP kết hợp với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống của thành phố Đà Nẵng; hỗ trợ điểm giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh có sản phẩm tham gia chương trình OCOP đạt hạng OCOP 4 sao trở lên.

a) Nội dung hỗ trợ: Chi sửa chữa nhỏ, mua giá, kệ trưng bày sản phẩm, bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng, hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng (nếu có) và các nội dung cần thiết, phù hợp khác bên trong điểm bán hàng (không hỗ trợ để đầu tư xây dựng cơ bản).

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% nhưng không quá 100 triệu đồng/điểm bán hàng. Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ 01 lần và nội dung hỗ trợ không trùng với nội dung đã được nhận hỗ trợ.

c) Điều kiện được hỗ trợ: Đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Có phương án hoạt động, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất.

Có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm (sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống của thành phố Đà Nẵng) với các cơ sở sản xuất, hộ nông dân.

Chủ đầu tư điểm bán hàng OCOP phải cam kết bằng văn bản là hoạt động đúng mục đích tối thiểu đủ 02 năm liên tục tính từ thời điểm được hỗ trợ.

2. Hỗ trợ Trung tâm OCOP xã, phường, đặc khu

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện như điểm a khoản 1 Điều 5.

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% nhưng không quá 200 triệu đồng/Trung tâm OCOP xã, phường, đặc khu. Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ 01 lần và nội dung hỗ trợ không trùng với nội dung đã được nhận hỗ trợ.

c) Điều kiện được hỗ trợ: Đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Trung tâm OCOP xã, phường, đặc khu nằm trong Kế hoạch Chương trình OCOP thành phố.

Có phương án hoạt động, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung theo quy định; có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm (sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống của thành phố Đà Nẵng) với các cơ sở sản xuất, hộ nông dân.

Chủ đầu tư Trung tâm OCOP xã, phường, đặc khu phải cam kết bằng văn bản là hoạt động đúng mục đích tối thiểu đủ 03 năm liên tục tính từ thời điểm được hỗ trợ.

3. Hỗ trợ Trung tâm OCOP thành phố

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện như điểm a khoản 1 Điều 5.

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% nhưng không quá 02 tỷ đồng cho 01 Trung tâm OCOP thành phố.

c) Điều kiện được hỗ trợ: Đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Trung tâm OCOP nằm trong Kế hoạch Chương trình OCOP thành phố.

Có dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung theo quy định của Nghị quyết này.

Có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các cơ sở sản xuất, hộ nông dân (sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống của thành phố Đà Nẵng).

Chủ đầu tư Trung tâm OCOP thành phố phải có cam kết bằng văn bản hoạt động đúng mục đích tối thiểu đủ 05 năm liên tục tính từ thời điểm được hỗ trợ.

4. Hỗ trợ hình thành Trung tâm thiết kế sáng tạo và phát triển sản phẩm OCOP thành phố

a) Nội dung hỗ trợ: Chi cải tạo, sửa chữa nhỏ; mua sắm máy móc, trang thiết bị, dụng cụ; chi phí thuê mặt bằng (nếu có) và các nội dung cần thiết, phù hợp khác bên trong Trung tâm thiết kế sáng tạo và phát triển sản phẩm OCOP thành phố (không hỗ trợ để đầu tư xây dựng cơ bản).

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% nhưng không quá 03 tỷ đồng cho 01 Trung tâm thiết kế sáng tạo và phát triển sản phẩm OCOP thành phố.

c) Điều kiện được hỗ trợ: Đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Có dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung theo quy định của Nghị quyết này.

Chủ đầu tư phải có cam kết bằng văn bản hoạt động đúng mục đích tối thiểu đủ 05 năm liên tục tính từ thời điểm được hỗ trợ.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Hằng năm, ngân sách thành phố bố trí tối thiểu 25 tỷ đồng để thực hiện các nội dung hỗ trợ của Chương trình OCOP.

2. Vốn ngân sách cấp xã để triển khai các hoạt động OCOP tại cơ sở.

3. Vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, phát sinh, Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Các văn bản, quy định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025

và Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2021/NQ- HĐND.

b) Khoản 2 Điều 16 của Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

c) Khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 1 Nghị quyết số 88/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang triển khai thực hiện thủ tục để được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND, khoản 2 Điều 16 Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND và các khoản 9, 10, 11 Điều 1 Nghị quyết số 88/2023/NQ-HĐND, đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ thì tiếp tục được thực hiện và hưởng chính sách theo các Nghị quyết nêu trên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP: Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ NN&MT;
- Vụ Pháp chế Bộ: NN&MT; Tài chính;
- Cục KTVB và QLXPVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PT-TH ĐN, Chuyên đề CATPĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố, Công báo thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, CTHĐND.



Nguyễn Đức Dũng